TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-12-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Huỳnh Bữu Hòa**;
Bà **Lê Thị Cúc Hoa**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21-10-2022, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29-11-2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn TC, huyện TCn, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn TC, huyện TCn, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng măt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31-8-2022, bản tự khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Năm 2006, anh kết hôn với chị Huỳnh Thị Thanh T, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân Phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình sống anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn Th, sinh ngày 27/3/2006 và Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 22/7/2020 đang sống chung với gia đình.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Vợ chồng sống chung không hợp, bất đồng ý kiến và quan điểm sống, không hiểu nhau nên thường xuyên cự cãi làm cho tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, anh và chị T sống ly thân 02 năm nay, chị T và 02 con sống chung với cha mẹ anh tại Khóm 6, thị trấn Tiểu Cần, còn anh đi làm thuê, khi về anh cũng ở chung với cha, mẹ, chị T và 02 con chung, nhưng vợ chồng không còn thương nhau, không hàn gắn đoàn tụ được.

Nay anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Thanh T.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tuấn Th, sinh ngày 27/3/2006, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 22/7/2020 cho chị T nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, còn yêu cầu cấp dưỡng của chị T anh không đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Đ có đơn xin vắng mặt.

Tại bản tự khai bị đơn chị Huỳnh Thị Thanh T trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn Đ kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, quá trình sống chung anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn Th, sinh ngày 27/3/2006 và Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 22/7/2020 đang sống chung gia đình.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân vợ chồng không còn sống chung: Anh Đ có người phụ nữ khác bên ngoài, chị khuyên nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi vẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi, chị và anh Đ không còn sống chung 02 năm nay, nhưng chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Tuấn Th, sinh ngày 27/3/2006 và Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 22/7/2020, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 6.000.000 đồng/02 con chung.

Tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu.

Chị Huỳnh Thị Thanh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đ cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn Đ (photo), 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 02 giấy khai sinh con (photo), Quyết định đình chỉ; Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 22/7/2020 cho chị Huỳnh Thị Thanh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Huỳnh Thị Thnh T thống nhất khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tuấn Th, sinh ngày 27/3/2006.

Chị Huỳnh Thị Thanh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tuấn Th, sinh ngày 27/3/2006.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

- Anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu chị Huỳnh Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Tuấn Th.

- Anh Nguyễn Văn Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thiên Th mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Chị Huỳnh Thị Thanh T yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng bằng 6.000.000 đồng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Thanh T; Chị T không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Huỳnh Thị Thanh T thường trú tại huyện Tiểu Cần, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn Đ và chị Huỳnh Thị Thanh T kết hôn vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình sống chung anh Đ cho rằng vợ, chồng thường phát sinh mâu thuẫn, cự cãi làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc anh và chị T sống ly thân 02 năm nay, từ ngày ly thân anh đi làm thuê ít về nhà, còn chị T và 02 con sống chung với cha, mẹ anh tại Khóm 6, thị trấn Tiểu Cần, anh đi làm về cũng sống chung nhà với cha, mẹ, chị T và 02 con chung, nhưng anh và chị T không còn thương nhau, không hàn gắn đoàn tụ được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T. Bị đơn chị T cho rằng anh Đ có người phụ nữ khác từ đó vợ chồng mâu thuẫn, cự cãi cho nên chị và anh Đ sống ly thân 02 năm nay, nhưng chị không đồng ý ly hôn. Xét thấy, giữa anh Đ và chị T hiện nay không ai còn quan tâm lo lắng cho nhau bỏ mặt ai muốn sống ra sau thì sống, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị T đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Đ được ly hôn với chị T.

[3] *Về con chung:* Anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn Th, sinh ngày 27/3/2006 và Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 22/7/2020. Anh Đ và chị T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tuấn Th. Tại bản tự khai ngày 30/11/2022, cháu Thành có nguyện vọng được sống chung với anh Đ. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu

cầu nuôi con chung của anh Đ. Do anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết.

Anh Đ đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thiên Th cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; Sự thỏa thuận này của anh Đ và chị T là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thiên Th mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Ngày 07/11/2022, Tòa án có ban hành quyết định yêu cầu chị T cung cấp mức thu nhập thực tế của anh Đ để đảm bảo mức cấp dưỡng nuôi con chung mà chị yêu cầu. Tuy nhiên, chị T không chứng minh được mức thu nhập thực tế của anh Đ là bao nhiêu tiền, nên yêu cầu của chị T không được chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng của anh Dức.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Nguyễn Văn Đ và chị Huỳnh Thị Thanh T thống nhất khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân và án phí cấp dưỡng nuôi con chung*: Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Huỳnh Thị Thanh T.

2. Về con chung:

2.1. Anh Nguyễn Văn Đ được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tuấn Th, sinh ngày 27/3/2006 theo nguyện vọng của con chung, chị Huỳnh Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Nguyễn Văn Đ không có yêu cầu.

2.2. Chị Huỳnh Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 22/7/2020. Anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15/12/2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Huỳnh Thị Thanh T thống nhất khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011561, ngày 21-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Anh Nguyễn Văn Đ còn phải nộp tiếp số tiền bằng 300.000 đồng.

Chị Huỳnh Thị Thanh T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND TT Tiểu Cần;
- UBND Phường 11, Q11, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm